

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀ TRUNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNG -ST

Ngày: 28-9-2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

**Vì thành phần Hội đồng xét xử thẩm phán có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thanh Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đoàn Thân và ông Lê Văn Ký.

**Thẩm ký phiên tòa:** Ông Văn Văn - Thẩm ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

**Đi kèm VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai thẩm vấn dân sự thứ lý số 120/2020/TLST-HNG ngày 14 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quy định của vụ án ra xét xử số 43/2020/QST-HNG ngày 22 tháng 8 năm 2020 giữa các nguyên:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Xuân T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn..., xã H, huyện H, tỉnh T, Việt Nam.

2. *Bên bị:* Chị Lê Thị Th, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn..., xã H, huyện H, tỉnh T, Việt Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong phiên họp lần đầu ngày 06/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trần Xuân T trình bày: Anh và chị Lê Thị Th tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T ngày 28/01/1992. Về chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do về chung sống bất hợp pháp và tính tình không hợp. Anh T và chị Th đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Thời gian

sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chồng L và Th.

Vợ chồng: Anh Trần Xuân Th khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Trần Phóng T, sinh ngày 20/4/1992 và cháu Trần Hoàng D, sinh ngày 03/9/1994. Hiện cháu T và cháu D đã thành niên nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh Trần Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lần đầu tiên khai ngày 15/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bên là chồng L và Th trình bày: Chồng và anh Trần Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có công ký kết hôn tại UBND nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T ngày 28/01/1992. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có quan hệ tình dục với người khác, thấy anh T không quan tâm đến vợ con. Chồng và anh T sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chồng không đồng ý.

Vợ chồng: Chồng Th khai vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Trần Phóng T, sinh ngày 20/4/1992 và cháu Trần Hoàng D, sinh ngày 03/9/1994. Hiện cháu T và cháu D đã thành niên nên chồng Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chồng Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận xét khi kiến nghị, thẩm lý, giải quyết và quyết định của vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông bà đã thực hiện các quy định của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Xuân T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

### **NHÂN NH C A TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chồng bà đã xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chồng Th đã chấp hành đúng pháp luật nên hai thẩm phán tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chồng và hoà giải nhưng vợ và chồng không tiến hành hoà giải được vụ án. Chồng Th cũng đã chấp hành đúng pháp luật nên hai thẩm phán tham gia phiên tòa nhưng vợ không có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa nên đã có nghị quyết xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chồng.

Th và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2, điều 227; điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Anh Trần Xuân T và chị Lị Th Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh T và chị Th phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân. Theo biên bản xác minh ngày 22/4/2020, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị Th là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống đời sống ly thân. Một thời gian dài vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chồng tự cư xử sống vợ chồng giữa anh T và chị Th đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần cần khoản 1, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình ghi quy định cho anh T được ly hôn chị Th là phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh T và chị Th có hai con chung, các cháu tên là Trần Phóng T, sinh ngày 20/4/1992 và cháu Trần Hoàng D, sinh ngày 03/9/1994. Hiện cháu T và cháu D đã thành niên, anh T và chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về tài sản: Anh T và chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh Trần Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Xuân T và chị Lị Th Th.

2. Về án phí: Anh Trần Xuân T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân như được trích vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009157 ngày 10/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh T miễn án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được công bố.

Trên đây là bản án được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thi hành án  
cũng thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nội dung:**

- ... ;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện vì công ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI NGƯỜI XÉT XỬ THẨM  
Tribunal phán - Chánh phiên tòa**

**Trần Thanh Hoàng**

**H I NG XÉT X S TH M**  
**Các H i th m nhân dân Th m phán - Ch t a phiên tòa**

Nguy n V n Biên

Th Thu

Tr nh Thanh H ng

**N i nh n:**

- Các ng s ;
- VKSND huy n Hà Trung;
- L u h s v án

**T/M. H I NG XÉT X S TH M**  
**Th m phán - Ch t a phiên tòa**

**Tr nh Thanh H ng**